

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2018/DS-PT
Ngày 13-6-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng tặng
cho quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương

Ông Phạm Ngọc Giao

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28/3; 28/4; 11/5; ngày 08, 13/6/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2018/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 89/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị B, sinh năm 1937.

Địa chỉ cư trú: Tổ 11, ấp 4, xã MT, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị B: Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1969. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 13/10/2017).

Địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã PT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Võ Thành L, sinh năm 1965.

Địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp 7, xã PT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Lê Thị Kim L1, sinh năm 1968.

Võ Thị Mộng T, sinh năm 1997.

Võ Công M, sinh năm 2001.

Người đại diện hợp pháp của Mộng T, Công M: Bà Lê Thị Kim L1, sinh năm 1968. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11/12/2017 và ngày 12/12/2017).

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp 7, xã PT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L, bà L1: Luật sư Phan Văn M1-Văn phòng luật sư CC thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Ủy ban nhân dân huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồng S; Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Hồng S: Ông Lê Chí T1; chức vụ: Phó Chủ tịch. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 23/11/2017).

Địa chỉ: Khóm MT, thị trấn MT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Thành L là bị đơn, bà Lê Thị Kim L1, Võ Thị Mộng T, Võ Công M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ông Đ, ông L, bà L1, Luật sư có mặt tại phiên tòa. Ủy ban nhân dân huyện CL có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị B, bà B ủy quyền cho ông Võ Văn Đ trình bày:

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp diện tích 8.075m² (theo đo đạc thực tế là 7.922m²) thuộc thửa 317, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại xã PT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp là của bà Lê Thị B và ông Võ Văn T2 nhận chuyển nhượng từ ông NL. Năm 1994 ông T2 chết thì bà B tiếp tục sử dụng và được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng. Khoảng 2008 - 2009 bà B kêu ông L về canh tác diện tích đất trên với điều kiện là chăm sóc bà B. Sau đó, bà B lập di chúc để lại toàn bộ diện tích nêu trên cho con là ông Võ Thành L thừa kế khi bà B qua đời. Vào năm 2012 bà B lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông L, nên ông L đã đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng thời gian gần đây ông L và con gái là Võ Thị Mộng T không chăm sóc bà B như thỏa thuận, bà B phải tự lo, gặp nhiều khó khăn trong sinh hoạt. Quá bức xúc nên bà B có yêu cầu gia đình ông L trả lại cho bà B toàn bộ diện tích nêu trên nhưng ông L không đồng ý.

Nay bà Lê Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 8.075m² (theo đo đạc thực tế là 7.922m²) thuộc thửa 317, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại xã PT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp do ông Võ Thành L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Buộc ông Võ Thành L, bà Lê Thị Kim L1, Võ Thị Mộng T và Võ Công

M trả cho bà Lê Thị B diện tích 8.075m^2 (theo đo đạc thực tế là 7.922m^2) thuộc thửa 317, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại xã PT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Đ được sự ủy quyền của bà B yêu cầu rút một phần đơn khởi kiện đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Võ Thành L diện tích 8.075m^2 thuộc thửa 317, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại xã PT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn ông Võ Thành L trình bày:

Thông nhất nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Võ Văn T2 và bà Lê Thị B nhận chuyển nhượng từ ông Năm Lắc. Năm 1994 ông T2 chết thì bà B tiếp tục sử dụng đất và đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2009 do không ai chịu sống chung để chăm sóc cho bà B, nên có kêu ông L về sống chung để nuôi bà B. Khi về sống chung thì có thỏa thuận là ông L được canh tác toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp, nhưng hàng năm ông L phải giao cho bà B 100 gia lúa để bà B sinh hoạt. Tuy nhiên, ông không sống chung với bà B mà sống ở PT, huyện CL cách bà B khoảng 10 km và có thăm nom bà B mỗi tháng 01 lần. Bà B đang sống với con gái của ông L là Võ Thị Mộng T tại xã MT, thành phố CL nên ông có đưa thêm gạo và đồ sinh hoạt thêm cho bà B. Năm 2012 bà B ký hợp đồng tặng cho ông L quyền sử dụng đất diện tích 8.075m^2 (theo đo đạc thực tế là 7.922m^2) thuộc thửa 317, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại xã PT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp được công chứng tại Văn phòng công chứng Đồng Tháp và đã đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi thỏa thuận xong thì hàng năm ông L đều thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cho bà B như cam kết. Do ông L và ông C (em của ông L) có mâu thuẫn với nhau nên bà B không sống chung với Mộng T nữa. Bà B về sống chung với anh em của ông L, không biết lý do gì mà bà B khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất. Trong cuộc hòa giải tại địa phương ông L có đồng ý trả lại 2.600 m^2 nhưng cuộc hòa giải không thành. Trong quá trình sử dụng đất hàng năm ông L có có cải tạo đất nhưng không nhớ số tiền cụ thể bao nhiêu.

Nay đối với yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất của bà Lê Thị B thì ông L không đồng ý. Vì ông L có thực hiện đầy đủ nghĩa vụ như thỏa thuận khi ông về sống chung với bà B. Ông L không yêu cầu bà B trả giá trị cải tạo ruộng đất.

Tại phiên tòa ngày 05/01/2018 ông L cũng thừa nhận thỏa thuận là khi nào nhận đất canh tác thì về sống chung và trực tiếp chăm sóc bà B, nhưng do điều kiện sinh hoạt nên ông không sống trực tiếp với bà B. Hàng tháng ông có ghé thăm nom và đưa đồ sinh hoạt cho bà B. Khi bà B bỏ nhà ở xã MT, thành phố CL về sống với các anh em thì ông L có tới năn nỉ bà B về tiếp tục sống nhưng bà B không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim L1, bà L1 là người đại diện theo ủy quyền của Võ Thị Mộng T và Võ Công M trình bày:

Thông nhất lời trình bày của ông L, không bổ sung gì thêm. Không đồng ý trả lại quyền sử dụng đất theo yêu cầu của bà B.

Tại Quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 11 tháng

01 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện CL đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị B:

Buộc ông Võ Thành L, bà Lê Thị Kim L1, Võ Thị Mộng T và Võ Công M trả cho bà Lê Thị B diện tích theo đo đạc thực tế là 7.922m² thuộc thửa 317, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại xã PT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp có vị trí như sau:

- Mốc M1 đến mốc M2 dài 38,17m;
- Mốc M2 đến mốc M4 dài 195,64m;
- Mốc M4 đến mốc M5 dài 44,16m;
- Mốc M5 đến mốc M1 dài 190,26m;

Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 31/10/2017 và sơ đồ đo đạc ngày 31/10/2017 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường Đồng Tháp.

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu của bà Lê Thị B về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 8.075m² thửa 317, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại xã PT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp do Ủy ban nhân dân huyện CL cấp cho ông Võ Thành L.

2. Về án phí:

Ông Võ Thành L, bà Lê Thị Kim L1, Võ Thị Mộng T và Võ Công M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.372.300 đồng (Hai mươi triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn ba trăm đồng).

Bà Lê Thị B được nhận lại 8.670.000 đồng (Tám triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 16068 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL.

3. Về chi phí tố tụng khác:

Bà Lê Thị B tự nguyện nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá là 4.906.501 đồng (Bốn triệu chín trăm lẻ sáu nghìn năm trăm lẻ một đồng, số tiền đã nộp xong).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25 tháng 01 năm 2018, ông Võ Thành L, bà Lê Thị Kim L1, Võ Thị Mộng T, Võ Công M kháng cáo không đồng ý trả cho bà B diện tích đất 7.922m², thuộc thửa số 317, tờ bản đồ số 9, đất tọa lạc tại xã PT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp và không đồng ý nộp tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại

phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xuất phát từ mối quan hệ mẹ con, nên ngày 24/7/2012 bà Lê Thị B có ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho con là ông Võ Thành L diện tích 8.075m^2 (đo đạc thực tế 7.922m^2) với điều kiện là ông L phải chăm sóc nuôi bà B đến cuối đời, bà B đã giao đất cho ông L quản lý sử dụng từ năm 2012 và ông L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/8/2012 diện tích 8.075m^2 thửa 317, tờ bản đồ số 9. Nhưng theo bà B, ông L không chăm sóc nuôi dưỡng bà, mà bà phải tự sinh hoạt từ ăn uống, tắm giặt và tự chăm sóc khi đau ốm, nên bà B yêu cầu ông L trả lại đất. Ông L thừa nhận khi bà B tặng cho phần đất có điều kiện là mỗi năm ông L đưa cho bà B 100 gia lúa, phải nuôi dưỡng, chăm sóc bà B đến cuối đời. Ông L cho rằng hàng năm ông L đều có giao cho bà B 100 gia lúa, ông L có nuôi dưỡng bà B và có cho con gái tên Võ Thị Mộng T đến ở cùng nhà với bà B ở xã MT, thành phố CL, để đi học và lo cơm nước cho bà B. Tại phiên tòa phúc thẩm ông L và bà L1 thống nhất trả cho bà B phần đất có diện tích 2.600m^2 , phần đất còn lại ông L yêu cầu được tiếp tục sử dụng. Bà B không đồng ý.

[2] Xét thấy, mặc dù theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 24/7/2012 giữa bà Lê Thị B với ông Võ Thành L không thể hiện điều kiện là bà B tặng cho quyền sử dụng đất cho ông L, thì ông L phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc bà B đến cuối đời. Tuy nhiên, theo biên bản phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm ông L thừa nhận là bà B tặng cho ông L quyền sử dụng đất là có điều kiện, ông L phải nuôi dưỡng, chăm sóc bà B đến cuối đời, nhưng ông L cũng thừa nhận là không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc bà B, vì ông L ở xã PT, huyện CL, còn bà B ở xã MT thành phố CL khoảng 01 tháng ông mới đến thăm bà B. Đối với việc ông L cho rằng có cho con gái tên Võ Thị Mộng T đến ở cùng nhà với bà B tại xã MT, thành phố CL để đi học và lo cơm nước cho bà B. Việc Mộng T đến ở cùng nhà với bà B thực chất là để đi học, vì Mộng T không có thời gian, điều kiện để chăm sóc bà B và việc Mộng T đến ở nhà bà B đây không phải là điều kiện của bà B, khi tặng cho quyền sử dụng đất cho ông L.

Như vậy, ông L không thực hiện theo đúng thỏa thuận với bà B, vi phạm điều kiện thực hiện nghĩa vụ đối với bà B, nên việc bà B yêu cầu ông L, bà L1 cùng các con của ông L trả lại đất là có cơ sở.

Án sơ thẩm xử buộc ông L, bà L1 cùng các con của ông L trả lại cho bà B phần đất có diện tích 7.922m^2 là có căn cứ.

[3] Đối với việc ông L, bà L1, Mộng T, Công M kháng cáo không đồng ý nộp tiền án phí và ông L xin giảm tiền án phí có xác nhận của chính quyền địa phương là ông L là người có công với cách mạng. Xét thấy, phần đất tranh chấp là của bà B tặng cho ông L theo hợp đồng ngày 24/7/2012 và ông L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà B khởi kiện yêu cầu ông L trả lại đất và ông L có nghĩa vụ trả lại đất, nên ông L phải chịu toàn bộ tiền án phí. Còn đối với bà L1, Mộng T và Công M không có quyền sử dụng đất mà chỉ là người

quản lý, sử dụng đất chung với ông L, nên bà L1, Mộng T và Công M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông L là người có công với cách mạng (có thời gian tham gia quân đội làm nghĩa vụ quốc tế tại Campuchia), nên ông L được miễn toàn bộ tiền án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH *UBTVQH* ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L trình bày phần đất tranh chấp, ông L đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh huyện CL để vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay đến tháng 10 năm 2020 trả xong vốn, lãi cho Ngân hàng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ là người đại diện theo ủy quyền của bà B thống nhất là bà B đồng ý trả vốn, lãi cho Ngân hàng thay ông L và bà B đã trả xong vốn, lãi cho Ngân hàng, bà B không yêu cầu ông L trả lại số tiền mà bà B trả nợ cho Ngân hàng thay ông L. Đồng thời, bà B có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông L đứng tên, theo quy định tại khoản 12, Điều 114 Bộ luật Dân sự và Hội đồng xét xử đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 119/2018/QĐ-BPKCTT ngày 21/5/2018, đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L. Vì vậy, cần tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 119/2018/QĐ-BPKCTT ngày 21/5/2018, để đảm bảo thi hành án cho bà B.

[5] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L, bà L1 trình bày nội dung vụ án cho rằng bà B tự nguyện cho ông L quyền sử dụng đất không có điều kiện, ông L tự nguyện trả lại cho bà B 2.600m², phần đất còn lại ông L yêu cầu được tiếp tục sử dụng, ông L là người có công với cách mạng, nên được miễn tiền án phí, đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông L thế chấp cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh huyện CL, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ngân hàng tham gia tố tụng là thiếu tư cách đương sự và đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Luật sư, đề nghị hủy án sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là chấp nhận một phần kháng cáo của ông L, bà L1, Võ Thị Mộng T, Võ Công M, sửa bản án sơ thẩm. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông L, bà L1, Võ Thị Mộng T, Võ Công M, sửa bản án sơ thẩm về án phí.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do sửa bản án sơ thẩm, nên ông L, bà L1, Võ Thị Mộng T, Võ Công M

không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 462 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CL đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị B:

Buộc ông Võ Thành L, bà Lê Thị Kim L1, Võ Thị Mộng T và Võ Công M trả cho bà Lê Thị B diện tích theo đo đạc thực tế là 7.922m² thuộc thửa 317, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại xã PT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp có vị trí như sau:

- Mốc M1 đến mốc M2 dài 38,17m;
- Mốc M2 đến mốc M4 dài 195,64m;
- Mốc M4 đến mốc M5 dài 44,16m;
- Mốc M5 đến mốc M1 dài 190,26m;

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 31/10/2017 và sơ đồ đo đạc ngày 31/10/2017 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường Đồng Tháp).

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện CL thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 178009 đã cấp cho ông Võ Thành L ngày 23/8/2012, thửa số 317, tờ bản đồ số 9, diện tích 8.075m², mục đích sử dụng đất chuyên dùng trồng lúa, đất tọa lạc tại ấp 6, xã PT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp, để cấp lại cho bà Lê Thị B theo quy định pháp luật.

Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 119/2018/QĐ-BPKCTT ngày 21/5/2018, để đảm bảo thi hành án cho bà B.

Đình chỉ yêu cầu của bà Lê Thị B về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 8.075m² thửa 317, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại xã PT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp do Ủy ban nhân dân huyện CL cấp cho ông Võ Thành L.

2. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông L.

Ông L, bà L1, Võ Thị Mộng T, Võ Công M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông L, bà L1, Võ Thị Mộng T, Võ Công M số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng

theo biên lai số 04109 ngày 26/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL.

Bà Lê Thị B được nhận lại 8.670.000 (Tám triệu sáu trăm bảy mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 16068 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL.

3. Về chi phí tố tụng khác:

Bà Lê Thị B tự nguyện nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá là 4.906.501 đồng (Bốn triệu chín trăm lẻ sáu nghìn năm trăm lẻ một đồng, số tiền đã nộp xong.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi Nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện CL;
- CCTHADS huyện CL;
- Phòng KTNV- THA TA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (B).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Tấn Tăng